

TCVN

TIÊU CHUẨN VIỆT NAM

TCVN 5694 - 1992
ISO 9427 - 1989

PANEN GỖ DÁN
XÁC ĐỊNH KHỐI LƯỢNG RIÊNG

HÀ NỘI - 1992

LỜI NÓI ĐẦU

TCVN 5694-1992 phù hợp với ISO 9427-1989

TCVN 5694-1992 do Hội tiêu chuẩn và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng Việt nam biên soạn, Tổng cục Tiêu chuẩn-Đo lường-Chất lượng đề nghị và được Bộ Khoa học công nghệ và môi trường ban hành theo quyết định số 50/QĐ ngày 17 tháng 11 năm 1992.

PANEN GỖ DÁN-XÁC ĐỊNH KHỐI LƯỢNG RIÊNG

Wood-based panels-determination of density

Tiêu chuẩn này qui định phương pháp xác định khối lượng riêng của các tấm chế tạo từ gỗ như ván sợi dùng trong xây dựng, ván dăm, gỗ dán.

1. Nguyên tắc

Xác định tỉ số giữa khối lượng (tính bằng gam) của mỗi mẫu thử và thể tích của nó (tính bằng centimet khối);

2. Dụng cụ

2.1. Đo chiều dày

Panme có mặt đo tròn, phẳng, song song, với đường kính $16 \pm 1\text{mm}$ và lực vận hành $4 \pm 1\text{N}$. Dụng cụ được khắc độ tới độ chính xác $0,01\text{mm}$

2.2. Đo chiều dài và chiều rộng

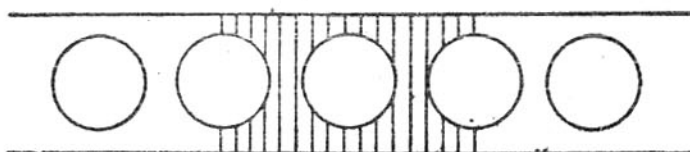
Thước cặp hoặc dụng cụ có bề mặt đo với chiều rộng ít nhất 5mm , được khắc độ tới độ chính xác $0,1\text{mm}$

2.3. Cân, tới độ chính xác $0,01\text{g}$

3. Mẫu thử

3.1. Mẫu thử có hình vuông, kích thước các cạnh 100mm

Trường hợp panen có mẫu, panen có lỗ hồng hoặc panen có cấu trúc tương tự có các lỗ hồng song song với chiều dài hoặc chiều rộng của mẫu thử thì toàn bộ chiều dài hoặc chiều rộng của mẫu thử phải ít nhất gấp hai lần chiều dài hoặc chiều rộng của một yếu tố lõi riêng rẽ (nghĩa là gấp hai lần đường kính ống cộng với hai lần bề dày thân) và mẫu thử có mặt cắt ngang đối xứng như trên hình 1



Hình 1 - Mặt cắt ngang của tấm có lỗ

3.2. Xử lý các mẫu thử tới khối lượng không đổi trong không khí có độ ẩm $65 \pm 5\%$ và nhiệt độ $20 \pm 2^{\circ}\text{C}$

Chú thích: Khối lượng không đổi được coi là đã đạt khi kết quả hai lần cân kế tiếp tiến hành trong vòng 24 giờ không khác nhau quá 0,1% khối lượng mẫu thử

4. Trình tự đo

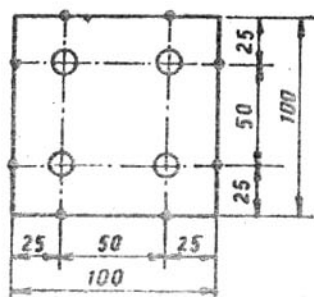
4.1. Cân mẫu thử với độ chính xác 0,1g

4.2. Đo kích thước mỗi mẫu thử như sau:

a) Đo chiều dày ở bốn điểm, biểu thị bằng các hình tròn như trên hình 2, với độ chính xác 0,01mm và tính trung bình cộng các phép đo chính xác tới 0,01mm

b) Đo chiều dài và chiều rộng ở hai điểm song song với các cạnh của mẫu thử dọc theo đường đi qua tâm các hình tròn ở hình 2 với độ chính xác 0,1mm và tính trung bình cộng các phép đo chiều dài và chiều rộng chính xác tới 0,1mm

4.3. Tính thể tích mẫu thử chính xác tới $0,1\text{cm}^3$



Hình 2 - Các điểm đo

5. Tính toán kết quả

5.1. Khối lượng riêng ρ , tính bằng g/cm^3 , của mỗi mẫu thử tính chính xác tới $0,01g/cm^3$ theo công thức sau

$$\rho = \frac{m}{V}$$

trong đó

m - khối lượng mẫu thử, tính bằng gam

V - thể tích mẫu thử, tính bằng cm^3

5.2. Khối lượng riêng của một tấm nhận được bằng cách tính trung bình cộng của các khối lượng riêng của các mẫu thử lấy từ cùng tấm đó, chính xác tới $0,01g/cm^3$

6. Biên bản thử

Biên bản thử gồm các mục sau :

- a) loại tấm gỗ và mọi chi tiết cần thiết để nhận biết tấm đó
- b) phương pháp lấy mẫu
- c) độ ẩm của mẫu thử tại thời điểm đo
- d) các kết quả trình bày trong mục 5
- e) mọi sai lệch khác với tiêu chuẩn này
- f) việc tra cứu tiêu chuẩn này
- g) các thao tác không ghi trong tiêu chuẩn này hay
- được coi là tùy chọn, cũng như mọi sự cố có thể ảnh hưởng đến kết quả